

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày: 29 - 9 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Giữ
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Mỹ L, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 13, Khóm T, thị trấn Q, huyện BT, Vĩnh Long

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2.2. Ông Bùi Hữu D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2.3. Ông Bùi Hữu T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

2.4. Ông Bùi Tiến S, sinh năm 1971 (vắng mặt)

2.5. Bà Bùi Thị D1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2.6. Ông Bùi Hữu V, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2.7. Anh Bùi Hữu T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Q, huyện BT, Vĩnh Long

2.8. Bà Bùi Thị D2, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 81/4, hẻm 2, đường M, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Huỳnh Thị Kiều T3, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Q, huyện BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/9/2019, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 của nguyên đơn bà Đoàn Thị Mỹ L và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1993, mẹ bà là bà Nguyễn Thị T4 cho bà Tạ Thị U ở nhờ một nền nhà trên đất của bà T4 là thửa 356B, tờ bản đồ số 6, diện tích 1010m² đất quả, bà T4 không bán đất cho bà U. Thời điểm đó bà U có dựng một căn nhà tạm bằng cây tạp với diện tích khoảng 24m² (chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 6m). Bà U hứa sẽ ở hết đời bà U, vào năm 2011 bà U qua đời thì nhà bà U bỏ hoang không ai quản lý sử dụng vì bà U và các con cháu đã có chỗ ở ổn định cách phần đất này khoảng 300m. Sau này thành lập khu hành chính huyện Bình Tân thì Nhà nước giải tỏa đất của bà U và đền bù cho bà U và các con cháu mỗi người được hỗ trợ một nền nhà. Phần đất có căn nhà của bà U ở nhờ hiện nay do bà Đoàn Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất là thửa 256, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.889,3m² loại đất ONT-CLN, tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, là nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị T4. Đến tháng 7/2019 các con bà U là Bùi Hữu T, Bùi Hữu D, Bùi Hữu T1, Bùi Tiến S, Bùi Thị D1, Bùi Thị D2, Bùi Hữu V và cháu bà U là Bùi Hữu T2 cùng vợ là Huỳnh Thị Kiều T3 đã tự ý sửa chữa nhà nhưng không được sự đồng ý của bà. Chính quyền địa phương đã đến lập biên bản với các con bà U thì họ cam kết ngừng việc xây dựng nhưng sau đó lại tiếp tục xây dựng trái phép. Bà đã gặp các con bà U để thương lượng đề nghị họ tháo dỡ, di dời nhà để trả lại đất cho bà và đồng ý hỗ trợ tiền di dời nhưng các con và cháu bà U không đồng ý với lý do là được quyền thừa kế của bà U.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Hữu T, Bùi Hữu D, Bùi Hữu T1, Bùi Tiến S, Bùi Thị D1, Bùi Thị D2, Bùi Hữu V và cháu bà U là Bùi Hữu T2 cùng vợ là Huỳnh Thị Kiều T3 liên đới di dời nhà, vật kiến trúc trả lại cho bà phần đất có diện tích 60,2m² thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.889,3m² loại đất ONT-CLN tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa:

- Bà Đoàn Thị Mỹ L trình bày: Cha bà là ông Đoàn Hữu T5 (chết năm 1983), mẹ là bà Nguyễn Thị T4 (chết năm 2018), bà Tạ Thị U là cháu dâu của chồng bà. Năm 1993 mẹ bà cho bà T4 mượn phần đất đất đang tranh chấp cất nhà cây để bán hủ tiếu và hứa ở hết đời sẽ trả lại, bà U chỉ mượn để bán xong về nhà ở. Trong quá trình sử dụng bà U đã tự ý lấn ra thêm nên dẫn đến tranh chấp. Năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh đã giải quyết là công nhận phần đất này là của bà T4. Sau đó bà T4 đòi nhưng bà U vẫn tiếp tục bán một thời gian thì nhà

bị sập nên bà U không bán nữa và đi khỏi phần đất này. Sau đó bà U chết thì năm 2019 cháu bà U là T2 cùng vợ là T3 đã tự ý đến phần đất này để cất lại nhà nên bà nhờ chính quyền giải quyết đã buộc phải dừng xây dựng nhưng vợ chồng T2 vẫn tiếp tục làm để ở và bán quán. Phần đất này hiện có tài sản của bà U để lại là nền nhà cũ và vợ chồng T2 xây dựng thêm nên bà yêu cầu các con bà U là Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S và cháu bà U là anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên đất đang sử dụng là **60,2m² thuộc thửa đất số 256, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.889,3m² loại đất ONT-CLN tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, để trả lại quyền sử dụng đất cho bà, bà đồng ý hỗ trợ những người này tiền tháo dỡ, di dời tài sản là 50.000.000 đồng.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; việc chấp hành pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 100, 166, 203 Luật đất đai; Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Mỹ L, buộc các con, cháu của bà Tạ Thị U là ông Bùi Hữu T, Bùi Hữu D, Bùi Hữu T1, Bùi Tiến S, Bùi Thị D1, Bùi Thị D2, Bùi Hữu V, Bùi Hữu T2 và Huỳnh Thị Kiều T3 di dời nhà cửa và vật kiến trúc trên đất để trả lại phần đất có diện tích 60m² thuộc thửa 256 cho bà Đoàn Thị Mỹ L. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Mỹ L hỗ trợ tiền di dời cho các bị đơn là 50.000.000 đồng. Về án phí các bị đơn nộp 300.000 đồng và phải chịu chi phí khảo sát đo đạc, hoàn trả tiền tạm ứng cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong vụ án có giấy ủy quyền (pho to) của ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S ủy quyền cho ông Bùi Hữu T với nội dung là để tranh chấp đất đai nhà số 1087, tổ 14, ấp T, xã Đ, huyện BT lý do là để tranh chấp đất đai nhà số 1087, tổ 14, ấp T, xã Đ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Hữu V và

bà Tạ Thị U chết để lại, thời hạn ủy quyền là từ ngày 05/8/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án. Do ông Bùi Hữu T không cung cấp bản chính giấy ủy quyền cho Tòa án nên giấy ủy quyền (pho to) không được chấp nhận.

- Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu Toàn, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị K T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng các đương sự không làm bản tự khai, không có mặt tham gia tố tụng nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2] Về nội dung:

Vào năm 1996 bà Nguyễn Thị T4 và bà Tạ Thị U có tranh chấp đất đai. Quyết định số 97/QĐ-CT-UBH ngày 17/8/1996 đã quyết định thừa nhận bà Nguyễn Thị T4 là người được nhà nước tạm giao quyền sử dụng đất diện tích 1.010m², loại đất quả, thuộc thửa 356B (theo đăng ký chương trình đất năm 1991) tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện BM. Ngày 26/8/1996 Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh đã giao quyết định số 97/QĐ-CT-UBH ngày 17/8/1996 cho bà Tạ Thị U. Ngày 01/10/1996, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T4 thửa 356B, diện tích 1.010m² đất cây ăn quả, tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện BM, tỉnh Vĩnh Long.

Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị Mỹ L vào ngày 29/7/2019 là thửa 256, tờ bản đồ số 24, diện tích 1889,3m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Đ (nay là thị trấn Q), huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, nguồn gốc sử dụng là được tặng cho quyền sử dụng đất.

Ngày 06/8/2019, Ủy ban nhân dân xã Thành Đông có lập biên bản đang thực hiện việc nâng nền nhà sửa chữa không có giấy phép xây dựng và đề nghị anh T2 ngừng thi công xây dựng. Ý kiến anh T2 là chỉ nâng nền cho nước đùng tràn vô. Vì căn nhà từ năm 1983 đến nay đã nâng 02 lần lộ nên nhà muốn sập. Ngày 07/8/2019, Ủy ban nhân dân xã Thành Đông đã ra quyết định số 65/QĐ-UBND đình chỉ thi công công trình vi phạm do anh Nguyễn Hữu T2 đã sửa chữa nhà trên đất của người khác nhưng không có giấy phép xây dựng.

Tại biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 06/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Thành Đông, bà Đoàn Thị Mỹ L đã có ý kiến là mẹ bà là

Nguyễn Thị T4 cho bà Tạ Thị U ở nhờ, nay bà được mẹ bà tặng cho phần đất này, bà yêu cầu con cháu bà U di dời tài sản trả lại quyền sử dụng đất cho bà; Ý kiến ông Bùi Hữu T là bà Tạ Thị U mua đất của bà Nguyễn Thị T4 bằng miệng được chính quyền xác nhận có căn nhà trên đất vào ngày 29/8/1996. Ngày 17/8/1996 có quyết định số 97 và đến ngày 26/8/1996 có biên bản tổng đạt quyết định số 97 và có nhận quyết định với ý kiến nhận quyết định khiếu nại về trên. Sau đó mẹ ông có đóng thuế hàng năm nhưng từ thời điểm tổng đạt quyết định đến nay chưa được cấp quyền sử dụng đất. Đến năm 2012 hợp 02 thửa lại thành thửa 17 diện tích 4.027,6m². Đến năm 2018 bà Tua chết bà L nhận thừa kế thửa 256 trong đó có thửa đất của bà Tạ Thị U, bà L tách cho con Nguyễn Quốc H là thửa 75. Việc cấp đất của Phòng tài nguyên và môi trường huyện và Sở tài nguyên và môi trường tỉnh là sai pháp luật nên ông yêu cầu xét cấp cho cháu ông là Bùi Hữu T2; Ý kiến anh Bùi Hữu T2 là thực tế sử dụng phần đất trên thửa 75.

Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Hữu T có cung cấp cho Tòa án các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc cơ quan nhà nước đang giải quyết phần đất này. Ngày 16/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân có công văn số 1850/UBND-BTD với nội dung là nội dung đơn của ông Bùi Hữu T đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã giải quyết xong là quyết định số 97/QĐ-CT-UBH ngày 17/8/1996 về việc thừa nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T4 và công văn số 3327/STNMT ngày 06/9/2019 phúc đáp đơn của ông Bùi Hữu T; ngày 24/6/2020 Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân có công văn số 484/UBND-NC trả lời Tòa án là hiện nay Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân không còn thụ lý nội dung đơn của ông Bùi Hữu T liên quan đến phần đất Tòa án đang thụ lý; Ngày 06/7/2020 Thanh tra tỉnh Vĩnh Long có công văn số 140/TT-TTGQKNTC2 với nội dung là hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Bùi Hữu T liên quan đến phần đất Tòa án đang thụ lý, giải quyết.

Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh phần đất tranh chấp trước đây đã được giải quyết bằng quyết định số 97/QĐ-CT-UBH ngày 17/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh và đã được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T4. Phần đất này hiện nay đã được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà Đoàn Thị Mỹ L là con bà Nguyễn Thị T4. Vì vậy, các con và cháu bà Tạ Thị U sử dụng phần đất này là không đúng pháp luật nên phải có nghĩa vụ liên đới tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị Mỹ L. Ông Bùi Hữu T cũng thừa nhận là năm 1997 mẹ ông là bà Tạ Thị U đã nhận được quyết định số 97/QĐ-CT-UBH ngày 17/8/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh và bà U có khiếu nại nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế là phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T4 và sau đó bà T4 đã tặng cho bà Đoàn Thị Mỹ L; anh T2 cho rằng phần đất này thuộc thửa 75 nhưng theo đo đạc thực tế thì phần đất này là thuộc thửa 256.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2020 thì phần đất tranh chấp thuộc thửa 256, tờ bản đồ 24, tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, phần đất này do anh Bùi Hữu T2 cùng vợ là chị Huỳnh Thị Kiều T3 đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Trên phần đất tranh chấp có nhà mái tol mạ kẽm, khung cột bằng sắt, nền gạch men, vách tol có xây gạch xung quanh; mái che bằng tol; nhà tắm nền lót gạch men, ván gạch men xung quanh. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2020 thì phần đất tranh chấp có phát sinh tài sản là anh T2 và chị T3 có mở quán bán hủ tiếu từ đầu tháng 8/2020, tài sản trong nhà bán hủ tiếu có bàn ghế và kệ (quầy đứng bán). Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2020 chị T3 trình bày căn nhà này trước đây là của ông bà nội chồng để lại cho cha chồng là Bùi Hữu D, cha chồng để lại cho vợ chồng chị vào năm 2019 và vợ chồng chị đã bỏ tiền ra tu sửa lại căn nhà này. Căn cứ vào trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân thì phần đất tranh chấp thuộc tách thửa 256, tờ bản đồ số 24 có diện tích 60,2m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Do đó, Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên phần đất tranh chấp để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị Mỹ L.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Mỹ L đồng ý hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời tài sản cho ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 số tiền là 50.000.000 đồng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 2.482.100 đồng. Bà Đoàn Thị Mỹ L đã nộp tạm ứng số tiền này nên phải trả cho bà L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 147, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 105, 166, 274, 275, 276, 288 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Mỹ L:

- Công nhận phần đất tranh chấp thuộc tách thửa 256, tờ bản đồ số 24 có diện tích 60,2m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm T, thị trấn Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long là thuộc quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị Mỹ L.

- Buộc ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản có trên phần đất tranh chấp là nhà mái tol mạ kẽm, khung cột bằng sắt, nền gạch men, vách tol có xây gạch xung quanh; mái che bằng tol; nhà tắm nền lót gạch men, ván gạch men xung quanh; bàn ghế và kệ (quầy đứng bán) và toàn bộ tài sản khác có trên phần đất này để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị Mỹ L (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân).

- Công nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Mỹ L đồng ý hỗ trợ tiền tháo dỡ, di dời tài sản cho ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 số tiền là 50.000.000 đồng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 2.482.100 đồng và có trách nhiệm trả số tiền này cho bà Đoàn Thị Mỹ L.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Hữu T, ông Bùi Hữu V, bà Bùi Thị D1, ông Bùi Hữu T1, ông Bùi Hữu D, bà Bùi Thị D2, ông Bùi Tiến S, anh Bùi Hữu T2, chị Huỳnh Thị Kiều T3 phải có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Trả cho bà Đoàn Thị Mỹ Loan số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011162 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dũng